

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2024/KDTM-PT**
Ngày: 28 -3 -2024.
V/v tranh chấp hợp đồng
thuê thiết bị

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Ông Lê Công Toại.

2/ Bà Trương Thị Quỳnh Trâm.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh*

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 170/KDTM-PT ngày 04/12/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 63/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1120/2024/QĐXX-PT ngày 04/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Trụ sở: số MM8 S, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Xuân H, sinh năm 1984.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 12/12/2022 (có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần SG (tên cũ: Công ty Cổ phần G)

Trụ sở: số 3E/14 Q, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Mai Xuân Ph, sinh năm 1984.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/3/2023 (có mặt)

Do có kháng cáo của: Bị đơn Công ty Cổ phần SG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, đại diện nguyên đơn ông Trần Xuân H trình bày:

Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C) và Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần SG – viết tắt là Công ty SG) có ký kết Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 05/02/2020, Phụ lục Hợp đồng số: PL01/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 12/02/2020, Phụ lục Hợp đồng số: PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021. Căn cứ nội dung hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã được ký kết nêu trên, đối với công trình Mapletree Park Phase 6, Công ty C cho Công ty SG thuê thiết bị xây dựng theo các đơn đặt hàng của Công ty SG.

Sau nhiều đơn đặt hàng, giao hàng và trả hàng, tính đến ngày 15/03/2022, đối với công trình Mapletree Park Phase 6 (Tên mặt hàng, số lượng thiết bị xây dựng, đơn giá thuê) mà Công ty SG hiện còn thuê của Công ty C được Công ty C lập theo Bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng ngày 15/03/2022 (Tháng 3 năm 2022, từ ngày 16/02/2022 đến 15/3/2022) gửi Công ty SG và đã được đại diện Công ty Cổ phần G ký nhận. Căn cứ Bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng ngày 15/03/2022 (Tháng 3 năm 2022) của Công ty C gửi, Công ty SG đã thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Công ty C.

Ngày 18/3/2022, Công ty SG gửi email cho Công ty C về việc quyết toán thuê thiết bị công trình Mapletree Park Phase 6, nội dung: “*Công trình đã bàn giao và không còn thiết bị để trả. Nhờ a/c Công ty C quy đổi phân xà gồ trả dư qua loại tương tự và thanh lý phần đền bù*”. Căn cứ nội dung thông báo mất hàng trên, ngày 29/03/2022 Công ty C lập Bảng tính tiền thuê thiết bị xây dựng (Tháng 04/2022, thời gian thuê từ ngày 16/3/2022 đến ngày 18/3/2022) cùng số tiền đền thiết bị xây dựng gửi Công ty SG, đại diện Công ty SG đã nhận Bảng tính tiền trên và đã thanh toán đầy đủ cho Công ty C số tiền thuê thiết bị xây dựng từ ngày 16/3/2022 đến ngày 18/3/2022.

Căn cứ mặt hàng và số lượng hàng Công ty SG còn thuê của Công ty C, căn cứ nội dung báo mất thiết bị thuê ngày 18/3/2022 của Công ty SG. Ngày 29/3/2022, Công ty C lập Bảng chiết tính tiền mua (đền) thiết bị xây dựng gửi Công ty SG, yêu cầu Công ty SG đền số tiền mất thiết bị là: 394.187.200 đồng, đại diện Công ty SG đã nhận Bảng chiết tính tiền mua (đền) nêu trên. Đồng thời, Công ty C cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty SG (Hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000386 ngày 19/4/2022).

Công ty SG đã thanh toán tiền thuê thiết bị xây dựng đối với Công trình Maple Tree Park Phase 6 đầy đủ theo đúng Bảng tính tiền thuê do Công ty C lập hàng tháng, riêng phần tiền đền thiết bị xây dựng do Công ty SG làm mất theo Bảng chiết tính tiền mua (đền) thiết bị xây dựng do Công ty C lập ngày

29/3/2022 thì đến nay Công ty SG vẫn chưa thanh toán cho Công ty C, mặc dù Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty SG về nội dung này.

Căn cứ điểm 5.2.6 khoản 5.2 Điều V của Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 05/02/2020 do hai bên đã ký kết, có nội dung: “*Bên B phải bảo quản và sử dụng đúng công dụng và năng lực của thiết bị xây dựng, nếu làm mất mát, hư hỏng thì phải thông báo bằng văn bản và fax/email cho bên A ngay tại thời điểm thiết bị xây dựng mất mát, hư hỏng và bồi thường theo 80% đơn giá giá trị thiết bị bồi thường ghi ở điều 1.3 ...*”. Như vậy, Công ty SG đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền bồi thường do làm mất thiết bị xây dựng cho Công ty C, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C. Đã nhiều lần Công ty C thiện chí trao đổi, làm việc; cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ nhưng phía Công ty SG vẫn không tự nguyện thanh toán, bồi thường số tiền nêu trên cho Công ty C.

Ngày 11/10/2022, Công ty C có Thông báo gửi Công ty SG, yêu cầu thanh toán tiền bồi thường với số tiền nêu trên. Ngày 22/11/2022, Công ty SG gửi cho Công ty C Văn bản số: 760/2022/ CV-MLPP6 trả lời về việc yêu cầu thanh toán tiền bồi thường, theo nội dung văn bản, phía Công ty SG chỉ đồng ý bồi thường một phần ba số tiền mà Công ty C yêu cầu, tương đương 131.395.733 đồng. Công ty C không đồng ý nên yêu cầu Tòa án buộc Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền đền thiết bị xây dựng là: 394.187.200 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 19/4/2022 (Ngày Công ty C xuất hóa đơn giá trị gia tăng) đến ngày Tòa án đưa vụ tranh chấp ra xét xử sơ thẩm, Công ty C yêu cầu thanh toán số tiền chậm trả với lãi suất là 10% trên một năm.

Theo bản tự khai ngày 17/3/2023 Bị đơn Công ty Cổ phần G có ông Mai Xuân Ph đại diện trình bày:

Đối với chi phí thuê thiết bị cho công trình Mapletree Phase 6 (tại Bình Dương) Công ty SG đã hoàn tất việc thanh toán cho Công ty C tổng giá trị là 617,535,822 đồng. Đến nay chỉ còn phần giá trị quyết toán chưa được thống nhất giữa các bên do 2 bên chưa thống nhất được phần giá trị hao hụt thiết bị thuê. Từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023, Công ty C đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty SG thanh toán tiền bồi thường thiết bị mất mát thuộc dự án Mapletree Phase 6 với số tiền là 394,187,200 đồng. Công ty SG luôn thể hiện thiện chí sẽ thanh toán cho Công ty C, cụ thể Công ty đã gửi các công văn trả lời đến Công ty C số 760/2022/CV-MLPP6 ngày 22/11/2022, Công văn số 15/2023/CV/DINCOSG ngày 16/1/2023, công văn số 25/2023/CV C ngày 07/3/2023. Do chưa thống nhất nên chúng tôi chưa thanh toán tiền bồi thường thiết bị cho Công ty C.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/KDTM-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Công ty cổ phần SG (tên cũ: Công ty Cổ phần G) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền đền thiết bị là 394.187.200 (Ba trăm chín mươi bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, hai trăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH C về việc yêu cầu Công ty cổ phần SG thanh toán số tiền lãi là 51.230.400 (Năm mươi một triệu, hai trăm ba mươi ngàn, bốn trăm) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, hoãn thi hành án.

Ngày 25/9/2023 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa Phúc thẩm:**

* Đại diện Nguyên đơn - Công ty TNHH C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện bị đơn Công ty cổ phần SG yêu cầu sửa án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án xác định số lượng thiết bị mà bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty C; xác định đơn giá áp dụng bồi thường; xác định lại tổng số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty SG là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty SG, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty SG còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn Công ty cổ phần SG kháng cáo yêu cầu xác định số lượng thiết bị mà bị đơn Công ty SG phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty C; xác định đơn giá áp dụng bồi thường; xác định lại tổng số tiền mà bị đơn Công ty SG phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty C - HĐXX nhận thấy:

Ngày 05/02/2020, Công ty C và Công ty SG ký kết Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 14/2020/DINSG/HĐCT/VC; Phụ lục Hợp đồng số: PL01/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 12/02/2020, Phụ lục Hợp đồng số: PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021 theo đó, Công ty C cho Công ty SG thuê thiết bị xây dựng theo các đơn đặt hàng của Công ty SG đối với công trình Mapletree Park Phase 6 và hai bên đã hoàn tất việc thanh toán chi phí thuê thiết bị cho công trình Mapletree Phase 6 (tại Bình Dương) với tổng giá trị là 617.535.822 đồng.

Ngày 18/3/2022, Công ty SG gửi email cho Công ty C về việc quyết toán thuê thiết bị công trình Mapletree Park Phase 6, nội dung: *“Công trình đã bàn giao và không còn thiết bị để trả. Nhờ a/c Công ty C quy đổi phần xà gồ trả dư qua loại tương tự và thanh lý phần đền bù”*.

Căn cứ điểm 5.2.6 khoản 5.2 Điều V của Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 05/02/2020 do hai bên đã ký kết, có nội dung: *“Bên B phải bảo quản và sử dụng đúng công dụng và năng lực của thiết bị xây dựng, nếu làm mất mát, hư hỏng thì phải thông báo bằng văn bản và fax/email cho bên A ngay tại thời điểm thiết bị xây dựng mất mát, hư hỏng và bồi thường theo 80% đơn giá giá trị thiết bị bồi thường ghi ở điều 1.3 ... ”*.

Theo thông báo mất hàng nêu trên, ngày 29/3/2022 Công ty C lập bảng tính tiền thuê thiết bị và tiền đền thiết bị gồm 13 mặt hàng thiết bị, số lượng, giá bồi thường theo hợp đồng, đơn giá đã giảm 20% với tổng số tiền là 358.352.200 đồng và đã được Công ty SG xác nhận ngày 04/4/2022 là phù hợp với Hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số: 14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 05/02/2020 và Phụ lục Hợp đồng số: PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021, cụ thể:

- Dàn giáo 1m7 kềm: 186 khung x 360.000 đồng (giá bồi thường theo hợp đồng) (giảm 20% còn 288.000 đồng) = 53.568.000 đồng.

- Chéo 1m96 kềm: 554 cặp x 83.000 đồng (giảm 20% còn 66.400 đồng) = 36.785.600 đồng.

- Mâm kềm: 155 cái x 360.000 đồng (giảm 20% còn 288.000 đồng) = 44.640.000 đồng.

- Thang dàn giáo 1m7 kềm: 7 x 672.000 đồng (giảm 20% còn 537.600 đồng) = 3.763.200 đồng.

- Thang dàn giáo 1m7 sơn : 26 x 475.000 đồng (giảm 20% còn 380.000 đồng) = 9.880.000 đồng.

- Cùm : 1.142 cái x 30.000 đồng (giảm 20% còn 24.000 đồng) = 27.408.000 đồng.

- Ống tuýp D49-6m kẽm : 55 x 340.000 đồng (giảm 20% còn 272.000 đồng) = 14.960.000 đồng.

- Ống tuýp D49-3m kẽm : 92 x 170.000 đồng (giảm 20% còn 136.000 đồng) = 12.512.000 đồng.

- Kích đầu D34- 50cm: 893 x 63.000 đồng (giảm 20% còn 50.400 đồng) = 45.007.200 đồng.

- Xà gồ hộp 5 x 10-4m kẽm : 23 x 429.000 đồng (giảm 20% còn 343.200 đồng) = 7.893.600 đồng.

- Xà gồ hộp 5 x 10-6m kẽm : 95 x 673.000 đồng (giảm 20% còn 538.400 đồng) = 51.148.000 đồng.

- Xà gồ hộp 5 x 5-1m kẽm : 123 x 65.000 đồng (giảm 20% còn 52.000 đồng) = 6.396.000 đồng.

- Xà gồ hộp 5 x 5-3m kẽm : 272 x 204.000 đồng (giảm 20% còn 163.200 đồng) = 44.390.400 đồng.

Thành tiền: 358.352.000 đồng, cộng 10% VAT = 394.187.200 đồng.

Căn cứ theo Điều 1, mục 1.2 Phụ lục Hợp đồng số: PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021 các bên thỏa thuận: đơn giá trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT và chi phí vận chuyển.

Ngày 04/4/2022 Công ty SG xác nhận bằng chiết tính tiền mua (đền) TBXD, ngày 19/4/2022 Công ty C đã xuất hóa Hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000386 ngày 19/04/2022 cho Công ty SG với tổng số tiền là 394.187.200 đồng, trong đó tiền bồi thường thiết bị là 358.352.000 đồng và 10% giá trị VAT là 35.835.200 đồng, do vậy Công ty SG có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền là 394.187.200 đồng là có căn cứ.

Căn cứ phụ lục Hợp đồng số PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021 hai bên thỏa thuận có nội dung : *“Bảng giá thuê, giá bồi thường thiết bị xây dựng từ ngày 10/5/2021 những đơn đặt hàng mới của bên B thuê TBXD sẽ được áp dụng theo bảng giá sau...”*. Các thiết bị xây dựng do Công ty SG thuê và bị mất đều được đặt hàng sau thời điểm ngày 10/5/2021 nên áp dụng Phụ lục Hợp đồng số: PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021 để tính giá trị bồi thường thiết bị là đúng với thỏa thuận của các bên. Công ty C giao hàng theo biên bản giao hàng số 090821 ngày 26/8/2021; biên bản giao hàng số 100821 ngày 27/8/2021; biên bản giao hàng số 110821 ngày 28/8/2021 tất cả đều có xác nhận của đại diện Công ty SG, kể từ khi giao nhận hàng, Công ty SG không có ý kiến phản đối, các bên đã thực hiện hợp đồng và đều thừa nhận Công ty SG đã thanh toán đầy đủ tiền thuê thiết bị cho Công ty C. Do đó, việc bị đơn

Công ty SG cho rằng các đơn đặt hàng không có giá trị vì không phải người có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận theo như thỏa thuận trong hợp đồng, người ký kết Phụ lục Hợp đồng số: PL05/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 10/5/2021 không còn thẩm quyền ký kết và tính giá trị bồi thường thiết bị theo phụ lục PL01/14/2020/DINSG/HĐCT/VC ngày 12/02/2020 là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính lãi: Xét thấy, theo hợp đồng thuê thiết bị hai bên không thỏa thuận về tính lãi suất đối với những thiết bị hao hụt, mất mát phải bồi thường, nên Công ty C yêu cầu Công ty SG thanh toán số tiền lãi 51.230.400 đồng là chưa phù hợp với Điều 306 Luật Thương Mại 2005 nên không có căn cứ để chấp nhận. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C và không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của Công ty C là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty SG cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty SG.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty SG, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng tuyên xử theo Điều 468 Bộ luật Dân sự là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 Luật thương mại.

[4] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty SG không được chấp nhận nên Công ty SG phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 401 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 269, 270, 271, 273, 278, 306 của Luật Thương mại 2005.
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần SG (tên cũ: Công ty Cổ phần G)

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 63/2023/KDTM-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Công ty cổ phần SG (tên cũ: Công ty Cổ phần G) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền đền thiết bị là 394.187.200 (Ba trăm chín mươi bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, hai trăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH C về việc yêu cầu Công ty cổ phần SG thanh toán số tiền lãi là 51.230.400 (Năm mươi một triệu, hai trăm ba mươi ngàn, bốn trăm) đồng

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần SG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.709.360 (Mười chín triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn, ba trăm sáu mươi) đồng.

- Công ty TNHH C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.376.464 theo biên lai thu tiền tiền số 0019298 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Hoàn lại cho Công ty TNHH C số tiền là 7.376.464 (Bảy triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi bốn) đồng.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần SG phải chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0035355 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

